



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014
đã được soát xét*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	6 - 33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 308.391.170.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các Công ty con trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh ô tô;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Gia công cấu kiện thép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hán	Ủy viên;	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;	
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên.	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2014
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc *BVH*

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

134
NH
TY
UT
HK
EM
AV
7-

3
H
T
1
1

Số: 261/2014/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT được lập ngày 25 tháng 7 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt


Giám đốc

Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		623.649.761.382	298.519.202.262
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	57.738.856.781	25.760.761.390
1.	Tiền	111		27.938.856.781	9.760.761.390
2.	Các khoản tương đương tiền	112		29.800.000.000	16.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	17.435.000.000	20.545.497.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		17.435.000.000	20.545.497.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.709.913.669	30.635.936.403
1.	Phải thu khách hàng	131		26.574.436.861	25.988.052.875
2.	Trả trước cho người bán	132		3.861.089.579	3.392.578.512
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	5.258.140.799	5.238.371.354
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.983.753.570)	(3.983.066.338)
IV.	Hàng tồn kho	140		479.901.538.324	210.626.209.728
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	479.901.538.324	210.626.209.728
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		36.864.452.608	10.950.797.741
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.304.541.577	1.050.523.397
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.496.528.206	361.205.085
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	7.005.582.955	2.849.213.818
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	8.057.799.870	6.689.855.441

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		228.659.328.552	231.130.013.115
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II.	Tài sản cố định	220		193.781.839.776	195.520.388.668
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	48.464.460.076	49.384.154.588
	- Nguyên giá	222		171.712.225.681	169.641.368.271
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(123.247.765.605)	(120.257.213.683)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	21.683.250	27.339.750
	- Nguyên giá	228		158.939.000	158.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(137.255.750)	(131.599.250)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	145.295.696.450	146.108.894.330
III.	Bất động sản đầu tư	240		0	0
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		500.440.400	500.280.800
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	501.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(633.130)	(792.730)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		17.879.226.716	17.743.215.584
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	17.879.226.716	17.743.215.584
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.13	16.497.821.660	17.366.128.063
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		852.309.089.934	529.649.215.377

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		515.642.032.432	196.747.500.641
I.	Nợ ngắn hạn	310		505.444.537.342	186.358.005.551
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	88.140.721.891	90.818.400.150
2.	Phải trả người bán	312		377.863.764.419	62.418.371.245
3.	Người mua trả tiền trước	313		13.809.338.181	10.248.258.825
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	9.737.930.375	8.027.810.090
5.	Phải trả người lao động	315		2.039.306.583	1.765.227.321
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	2.247.592.877	3.097.714.840
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	10.694.724.904	9.945.492.146
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		911.158.112	36.730.934
II.	Nợ dài hạn	330		10.197.495.090	10.389.495.090
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.18	8.818.400.000	7.610.400.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.19	1.304.847.090	2.749.847.090
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		74.248.000	29.248.000
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		322.953.135.791	318.749.789.487
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	322.953.135.791	318.749.789.487
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		308.391.170.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		956.560.833	24.845.370.833
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.213.098.007	806.390.333
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		537.543.481	130.835.807
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.052.526.730	16.662.595.774
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		13.713.921.711	14.151.925.249
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		852.309.089.934	529.649.215.377

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.319.786.900	11.319.786.900
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.687,09	677,80
	EUR		616,53	84,51
	JPY		0	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	492.097.030.928	240.807.206.535
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	31.363.636	37.677.727.270
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	492.065.667.292	203.129.479.265
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	432.442.953.971	180.400.766.321
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.622.713.321	22.728.712.944
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.409.810.025	1.291.689.515
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	6.461.840.213	7.052.140.450
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.590.196.656	6.673.433.173
8.	Chi phí bán hàng	24		14.461.222.555	13.758.234.826
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.582.961.642	12.418.070.523
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.526.498.936	(9.208.043.340)
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.996.632.153	29.488.139
12.	Chi phí khác	32		79.767.061	239.210.569
13.	Lợi nhuận khác	40		1.916.865.092	(209.722.430)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.443.364.028	(9.417.765.770)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	5.517.172.119	490.487.605
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		19.926.191.909	(9.908.253.375)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		735.139.965	674.420.702
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		19.191.051.944	(10.582.674.077)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	631	(377)

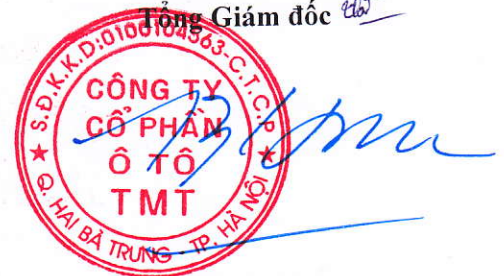
Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		501.421.094.703	271.353.757.400
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(326.299.297.185)	(128.863.322.754)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.685.902.289)	(10.646.799.177)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(1.995.217.906)	(10.698.295.563)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(526.792.017)	(414.842.292)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.363.267.583	7.696.628.130
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(112.106.879.309)	(19.377.766.256)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.170.273.580	109.049.359.489
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(878.823.733)	(2.846.032.509)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	0
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.240.000.000)	(7.080.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.350.497.000	5.025.093.273
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	1.395.201.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.468.819.943	1.885.182.776
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.700.493.210	(1.620.555.460)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		323.039.385.156	101.070.614.122
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(325.777.063.415)	(208.076.810.448)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.155.018.020)	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.892.696.279)	(107.006.196.326)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		31.978.070.511	422.607.703
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.760.761.390	18.050.369.965
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.880	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		57.738.856.781	18.472.977.668

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





 Bùi Văn Hữu

Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các Công ty con trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh ô tô;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Gia công cấu kiện thép.

04. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2014	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	54,17%	54,17%	54,17%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	68,11%	68,11%	68,11%
Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	Thôn Đình Trà, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	0	0	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

08. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này, và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

20-
NH
INH
VÁN
TOA
OÁN
ET
P H

T.C.P.
C.N.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	780.261.770	1.896.453.797
- Tiền gửi ngân hàng	27.158.595.011	7.864.307.593
- Các khoản tương đương tiền	29.800.000.000	16.000.000.000
Cộng	57.738.856.781	25.760.761.390

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Đầu tư ngắn hạn	17.435.000.000	20.545.497.000
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác	17.435.000.000	20.545.497.000
+ Cho cá nhân vay (*)	12.435.000.000	14.545.497.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	5.000.000.000	6.000.000.000
b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	17.435.000.000	20.545.497.000

(*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khác	5.258.140.799	5.238.371.354
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	811.158.603	940.029.850
+ Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thiên Trường An	2.250.000.000	2.250.000.000
+ Các khoản phải thu khác	2.196.982.196	2.048.341.504
Cộng	5.258.140.799	5.238.371.354

04. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	53.760.000	8.545.000
- Nguyên liệu, vật liệu	86.768.110.379	31.062.448.427
- Công cụ, dụng cụ	33.237.035	26.499.496
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	74.538.341.532	50.858.815.616
- Thành phẩm	61.485.715.198	22.294.420.205
- Hàng hoá	137.575.557.287	7.634.266.739
- Hàng gửi đi bán	119.446.816.893	98.741.214.245
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	479.901.538.324	210.626.209.728

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra	0	0
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	17.006.000	28.720.099
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.796.664	63.796.664
- Thuế xuất, nhập khẩu	6.872.434.299	1.957.473.858
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	747.768.013
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	52.345.992	51.455.184
Cộng	<u>7.005.582.955</u>	<u>2.849.213.818</u>

06. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	636.368.474	488.086.286
- Tạm ứng	7.060.626.567	5.519.665.896
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.804.829	682.103.259
Cộng	<u>8.057.799.870</u>	<u>6.689.855.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	96.423.950.444	38.026.635.297	29.614.816.454	1.527.785.348	4.048.180.728	169.641.368.271
- Mua trong kỳ	0	918.500.682	657.360.000	0	0	1.575.860.682
- Đầu tư XD CB hoàn thành	494.996.728	0	0	0	0	494.996.728
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	96.918.947.172	38.945.135.979	30.272.176.454	1.527.785.348	4.048.180.728	171.712.225.681
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	57.067.726.391	37.352.563.232	20.309.443.628	1.479.299.704	4.048.180.728	120.257.213.683
- Khấu hao trong kỳ	1.850.979.182	178.453.295	950.615.983	10.503.462	0	2.990.551.922
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	58.918.705.573	37.531.016.527	21.260.059.611	1.489.803.166	4.048.180.728	123.247.765.605
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	39.356.224.053	674.072.065	9.305.372.826	48.485.644	0	49.384.154.588
2. Tại ngày cuối kỳ	38.000.241.599	1.414.119.452	9.012.116.843	37.982.182	0	48.464.460.076

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 81.279.351.627 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
- Mua trong kỳ	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>131.599.250</i>	<i>131.599.250</i>
- Khấu hao trong kỳ	5.656.500	5.656.500
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>137.255.750</i>	<i>137.255.750</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	<i>27.339.750</i>	<i>27.339.750</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>21.683.250</i>	<i>21.683.250</i>

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	143.967.441.473	145.359.107.094
- Công trình khác	1.328.254.977	749.787.236
Cộng	145.295.696.450	146.108.894.330

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		501.073.530		501.073.530
- Công ty CP thiết bị Bru điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Cộng		501.073.530		501.073.530

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>	<i>(633.130)</i>	<i>(792.730)</i>
- Công ty CP thiết bị Bru điện (POT)	(362.200)	(501.400)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(270.930)	(291.330)
Cộng	(633.130)	(792.730)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	963.834.692	595.406.845
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	15.552.154.739	15.758.346.227
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.363.237.285	1.389.462.512
Cộng	<u>17.879.226.716</u>	<u>17.743.215.584</u>

13. Lợi thế thương mại

	<u>Giá trị lợi thế thương mại đầu năm</u>	<u>Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng</u>	<u>Số đã phân bổ trong kỳ</u>	<u>Giá trị còn lại cuối kỳ</u>
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	17.366.128.063	0	868.306.403	16.497.821.660
Cộng	<u>17.366.128.063</u>	<u>0</u>	<u>868.306.403</u>	<u>16.497.821.660</u>

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	<u>88.140.721.891</u>	<u>90.818.400.150</u>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>87.928.621.891</i>	<i>90.456.300.150</i>
+ Ngân hàng NN và PT NT Việt Nam ^(a)	38.715.032.262	63.304.881.963
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam ^(b)	41.932.135.103	20.131.853.011
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	261.889.350	0
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(c)	7.019.565.176	7.019.565.176
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>212.100.000</i>	<i>362.100.000</i>
+ Công ty Cổ phần Cao su chất dẻo Đại Mỗ	0	50.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Minh Chính	100.000.000	100.000.000
+ Ông Phạm Trung Nghĩa	112.100.000	112.100.000
+ Bà Nguyễn Thu Thủy	0	100.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>0</u>	<u>0</u>
Cộng	<u>88.140.721.891</u>	<u>90.818.400.150</u>

(a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 8%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.

(b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 8%/năm đến 9,5%/năm của Công ty được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và các tổ chức tín dụng khác.

(c): Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 160/HĐTĐ/2011 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bắc Hà Nội với mục đích bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	480.207.296	2.953.476.288
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.411.033.459	1.168.421.370
- Thuế thu nhập cá nhân	317.414.337	329.202.670
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.493.561.547	3.540.996.026
- Các loại thuế khác	35.713.736	35.713.736
Cộng	<u>9.737.930.375</u>	<u>8.027.810.090</u>

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	690.952.265	2.058.189.840
- Chi phí vận chuyển	472.028.348	0
- Chi phí chiết khấu thanh toán	461.615.000	0
- Khác	622.997.264	1.039.525.000
Cộng	<u>2.247.592.877</u>	<u>3.097.714.840</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	3.482.456.224	3.619.798.749
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.364.734.884	3.129.671.220
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.847.533.796	2.088.022.177
Cộng	<u>10.694.724.904</u>	<u>9.945.492.146</u>

18. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.808.000.000	7.600.000.000
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	10.400.000
Cộng	<u>8.818.400.000</u>	<u>7.610.400.000</u>

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	1.304.847.090	630.000.000
- Vay dài hạn ngân hàng	0	0
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.304.847.090	630.000.000
+ Công ty Cổ phần đại lý Ford Thủ Đô	570.000.000	630.000.000
+ Vay đối tượng khác	734.847.090	0
Nợ dài hạn	0	2.119.847.090
- Nợ thuế tài chính	0	0
- Nợ dài hạn khác	0	2.119.847.090
Cộng	<u>1.304.847.090</u>	<u>2.749.847.090</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	284.502.360.000	24.845.370.833	483.226.387	(8.680.989.647)	806.390.333	130.835.807	12.305.691.452	314.392.885.165
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	4.476.070.952	4.476.070.952
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	0	0	0	0	0	0	(119.166.630)	(119.166.630)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	284.502.360.000	24.845.370.833	483.226.387	(8.680.989.647)	806.390.333	130.835.807	16.662.595.774	318.749.789.487
Số dư đầu năm nay	23.888.810.000	(23.888.810.000)	0	0	0	0	0	0
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần trong kỳ	0	0	0	0	0	0	19.191.051.944	19.191.051.944
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	0	0	0	0	406.707.674	406.707.674	(15.240.391.022)	(14.426.975.674)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	0	0	0	0	0	0	(560.729.966)	(560.729.966)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ này	308.391.170.000	956.560.833	483.226.387	(8.680.989.647)	1.213.098.007	537.543.481	20.052.526.730	322.953.135.791



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	66.501.720.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	241.889.450.000	223.221.740.000
Cộng	<u>308.391.170.000</u>	<u>284.502.360.000</u>

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 409.700 cổ phiếu.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	23.888.810.000	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	308.391.170.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.020.268.000	0

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.839.117	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	25.083.985.591	7.802.271.453
- Doanh thu bán thành phẩm	445.952.013.734	212.602.999.917
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.061.031.603	20.401.935.165
Cộng	<u>492.097.030.928</u>	<u>240.807.206.535</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giảm giá hàng bán	31.363.636	294.999.998
- Hàng bán bị trả lại	0	37.382.727.272
Cộng	31.363.636	37.677.727.270

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	25.083.985.591	7.802.271.453
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	445.920.650.098	174.925.272.647
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	21.061.031.603	20.401.935.165
Cộng	492.065.667.292	203.129.479.265

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.528.195.289	7.515.636.210
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	390.158.394.090	155.564.592.906
- Giá vốn dịch vụ đã dung cấp	17.756.364.592	17.320.537.205
Cộng	432.442.953.971	180.400.766.321

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.314.948.696	1.283.230.756
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.000.000	0
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.428.727	8.458.759
- Lãi bán hàng trả chậm	44.432.602	0
Cộng	1.409.810.025	1.291.689.515

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền vay	1.590.196.656	6.673.433.173
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.184.160.000	461.433.500
- Lỗ do bán chứng khoán	0	1.690.265.613
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.024.812.651	57.341.232
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	597.543.840	104.162.941
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(159.600)	(1.937.984.013)
- Chi phí tài chính khác	65.286.666	3.488.004
Cộng	6.461.840.213	7.052.140.450

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Thuế nhập khẩu được hoàn	1.898.668.416	0
- Thu nhập khác	97.963.737	29.488.139
Cộng	1.996.632.153	29.488.139

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	5.517.172.119	490.487.605
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.517.172.119	490.487.605

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	19.191.051.944	(10.582.674.077)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.191.051.944	(10.582.674.077)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.429.417	28.040.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	631	(377)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	447.580.744.811	187.129.736.062
- Chi phí nhân công	23.847.499.836	14.732.955.854
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.996.208.422	4.093.794.159
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.734.891.382	20.930.311.509
- Chi phí khác bằng tiền	7.606.602.677	9.065.119.360
Cộng	506.765.947.128	235.951.916.944

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần	23.888.810.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Lãi cho vay	0	356.700.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tiền lương	596.738.800	873.642.100
Phụ cấp	249.617.600	250.288.700
Tiền thưởng	110.000.000	22.000.000
Cộng	956.356.400	1.145.930.800

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực gia công cấu kiện thép

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ	Thương mại	Gia công cấu kiện thép	Đơn vị tính: VND
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	439.504.754.752	21.061.031.603	25.083.985.591	6.415.895.346	492.065.667.292
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	417.183.200.140	19.301.328.125	26.368.268.640	5.686.371.451	468.539.168.356
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	22.321.554.612	1.759.703.478	(1.284.283.049)	729.523.895	23.526.498.936
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	267.262.096	338.477.227	106.814.026	0	712.553.349
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.184.045.904	855.382.555	338.157.738	251.703.567	3.629.289.764
Số dư tại ngày 30/6/2014	443.686.711.544	26.527.437.361	241.749.040.530	20.649.987.247	732.613.176.682
- Tài sản trực tiếp của bộ phận					119.695.913.252
- Tài sản không phân bổ					852.309.089.934
Tổng tài sản	443.686.711.544	26.527.437.361	241.749.040.530	20.649.987.247	852.309.089.934
- Nợ phải trả bộ phận	378.924.050.041	3.564.453.955	104.783.947.000	20.406.902.981	507.679.353.977
- Nợ phải trả không phân bổ					7.962.678.455
Tổng nợ phải trả	378.924.050.041	3.564.453.955	104.783.947.000	20.406.902.981	515.642.032.432

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ	Thương mại	Gia công cấu kiện thép	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	175.808.407.736	20.401.935.165	6.919.136.364	0	203.129.479.265
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	187.081.011.948	18.316.741.752	6.939.768.905		212.337.522.605
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(11.272.604.212)	2.085.193.413	(20.632.541)	0	(9.208.043.340)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.522.454.994	338.477.227	106.814.026	0	2.967.746.247
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.172.739.983	855.382.555	338.157.738	0	4.366.280.276
Số dư tại ngày 30/6/2013					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	573.070.110.888	19.488.903.633	6.704.239.109	0	599.263.253.630
- Tài sản không phân bổ					7.517.471.532
Tổng tài sản	573.070.110.888	19.488.903.633	6.704.239.109	0	606.780.725.162
- Nợ phải trả bộ phận	285.315.092.152	2.026.785.992	913.093.334	0	288.254.971.478
- Nợ phải trả không phân bổ					769.301.710
Tổng nợ phải trả	285.315.092.152	2.026.785.992	913.093.334	0	289.024.273.188

Khu vực địa lý:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.738.856.781	0	25.760.761.390	0	57.738.856.781	25.760.761.390
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.344.491.374	(3.983.753.570)	30.422.930.462	(3.983.066.338)	27.360.737.804	26.439.864.124
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.435.000.000	0	20.545.497.000	0	17.435.000.000	20.545.497.000
Đầu tư tài chính dài hạn	501.073.530	(633.130)	501.073.530	(792.730)	500.440.400	500.280.800
Cộng	107.019.421.685	(3.984.386.700)	77.230.262.382	(3.983.859.068)	103.035.034.985	73.246.403.314

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	377.863.764.419	62.418.371.245	377.863.764.419	62.418.371.245
Vay và nợ	89.445.568.981	93.568.247.240	89.445.568.981	93.568.247.240
Chi phí phải trả	2.247.592.877	3.097.714.840	2.247.592.877	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	12.665.933.796	10.806.422.177	12.665.933.796	10.806.422.177
Cộng	482.222.860.073	169.890.755.502	482.222.860.073	169.890.755.502

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho cán bộ công nhân viên vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cán bộ công nhân viên uy tín và có khả năng thanh toán tốt và gắn bó lâu dài với Công ty.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	377.863.764.419	0	0	377.863.764.419
Vay và nợ	88.140.721.891	1.304.847.090	0	89.445.568.981
Chi phí phải trả	2.247.592.877	0	0	2.247.592.877
Các khoản phải trả khác	3.847.533.796	8.818.400.000	0	12.665.933.796
Cộng	472.099.612.983	10.123.247.090	0	482.222.860.073
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	62.418.371.245	0	0	62.418.371.245
Vay và nợ	90.818.400.150	2.749.847.090	0	93.568.247.240
Chi phí phải trả	3.097.714.840	0	0	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	3.196.022.177	7.610.400.000	0	10.806.422.177
Cộng	159.530.508.412	10.360.247.090	0	169.890.755.502

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đang Giám đốc

Tạ Thu Thủy

Đào Tiến Thành

Bùi Văn Hữu